

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **171/2021/HNGĐ- ST.**

Ngày 14/6/2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Thắng
2. Bà Hà Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-HNGĐ, ngày 31/3/2021 về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/5/2021, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Triệu Thị V, sinh năm 1989

* Bị đơn: Anh La Văn T, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn Vàng Lè, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang
(Anh T, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Triệu Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh La Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Bản Thi, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại thôn Vàng Lè, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, quá trình chung sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chị không thống nhất trong làm ăn kinh tế, không tin tưởng và tôn trọng nhau, từ năm 2017 chị đi làm công ty, Anh T ít quan tâm gì đến chị, từ khoảng tháng 10/2017 đến nay chị và Anh T sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không còn yêu thương quý trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho chị được ly hôn với anh La Văn T.

Về con chung: Chị và anh La Văn T có 01 con chung là cháu La Thị Ngọc H, sinh ngày 21/12/2009. Hiện nay cháu Hương đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị và Anh T không có tài sản chung; không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, chị V giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn anh La Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị V đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Bản Thi, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại thôn Vàng Lè, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, quá trình chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu, từ năm 2017 vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị V bỏ đi làm ăn xa và cắt liên lạc với anh, từ năm 2017 đến nay vợ chồng anh sống ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị V đề nghị ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Triệu Thị V có 01 con chung là cháu La Thị Ngọc H, sinh ngày 21/12/2009. Hiện nay cháu Hương đang ở với chị V, khi ly hôn chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung anh nhất trí.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh và chị V không có tài sản chung; không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V, xử cho chị Triệu Thị V được ly hôn với anh La Văn T Về con chung: giao cháu La Thị

Ngọc H, sinh ngày 21/12/2009 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh La Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị Triệu Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị V, Anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định La Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã C, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Chị V, Anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh La Văn T: Chị V và Anh T đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2010 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị V Thắng chung sống tại thôn Vàng Lè, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, quá trình chung sống hạnh phúc được mấy năm đầu, từ năm 2017 vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ 2017 đến nay. Anh T nhất trí ly hôn, chị V và Anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị V theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: chị V và Anh T có 01 con chung là cháu La Thị Ngọc H, sinh ngày 21/12/2009. Từ khi sống ly thân (năm 2017) đến nay cháu Hương sống cùng chị V, hiện tại chị V đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V có nguyện vọng được nuôi con, bản thân cháu Hương có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Anh T nhất trí với yêu cầu chị V đề nghị nuôi con chung. Do chị V không yêu cầu cấp dưỡng nên Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị V xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị V phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh La Văn T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị V được ly hôn với anh La Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu La Thị Ngọc H, sinh ngày 21/12/2009 cho chị Triệu Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh La Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004921 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh La Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Bán Thi (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Sử Đặng Thị Nga

Nguyễn Văn Toàn

